

CHI NHÁNH: HUYỆN ĐẮK R'LẤP

STT	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy (dự kiến), (từ ngày... đến ngày...)			Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày (dự kiến)	Thời gian thu hoạch (dự kiến)	Nhận định nguồn nước đảm bảo		Vận hành điều tiết cấp nước (mở nước)					Phương án chống hạn	Ghi chú
				Gieo sạ	Gieo mạ	cấy			% DT	đến ngày	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5		
1	CTTL: Đập Đắc Kế xã Đạo nghĩa																
a	Khu tưới: thôn Quảng Thọ																
	Lúa	10,20	110-120	15/12-30/1				01/4-30/5	80,4	1/3	Luân phiên 2 ngày mở nước, 2 ngày đóng nước	Luân phiên 2 ngày mở nước, 2 ngày đóng nước	Luân phiên 2 ngày mở nước, 2 ngày đóng nước	Luân phiên 2 ngày mở nước, 3 ngày đóng nước	Luân phiên 2 ngày mở nước, 4 ngày đóng nước		
	Cây CN dài ngày	50,70															
b	Khu tưới: thôn Quảng Lộc																
	Lúa	6,67	110-120	15/12-30/1				01/4-30/5									
	Cây CN dài ngày	34,30															
2	CTTL: Đập Đắc Quảng Phước xã Đạo nghĩa																
a	Khu tưới: thôn Quảng Thành																
	Lúa	10,82	110-120	15/12-30/1				01/4-30/5			Luân phiên 2 ngày mở nước, 2 ngày đóng nước	Luân phiên 2 ngày mở nước, 2 ngày đóng nước	Luân phiên 2 ngày mở nước, 2 ngày đóng nước	Luân phiên 2 ngày mở nước, 3 ngày đóng nước	Luân phiên 2 ngày mở nước, 4 ngày đóng nước		
	Cây CN dài ngày	30,20															
b	Khu tưới: thôn Quảng Đạt																
	Lúa	10,90	110-120	15/12-30/1				01/4-30/5									
	Cây CN dài ngày	62,70															
3	CTTL: Thủy Lợi Quảng Hòa xã Đạo nghĩa																
a	Khu tưới: thôn Quảng Phước																
	Lúa	9,40	110-120	15/12-30/1				01/4-30/5			Luân phiên 2 ngày mở nước, 2 ngày đóng nước	Luân phiên 2 ngày mở nước, 2 ngày đóng nước	Luân phiên 2 ngày mở nước, 2 ngày đóng nước	Luân phiên 2 ngày mở nước, 3 ngày đóng nước	Luân phiên 2 ngày mở nước, 4 ngày đóng nước		
	Cây CN dài ngày	101,40															
b	Khu Tưới: Thôn Quảng Hòa Xã Đạo Nghĩa																
	Lúa	1,44	110-120	1/1-30/1				15/4-30/5									
4	CTTL: Đập Quảng Lộc xã Đạo nghĩa																
	Khu tưới: thôn Quảng Lộc										Đợt 1: 3-5 Đợt 2: 11-13 Đợt 3: 19-21 Đợt 4: 27-29	Đợt 1: 2-4 Đợt 2: 10-12 Đợt 3: 18-20 Đợt 4: 26-28	Đợt 1: 2-4 Đợt 2: 10-12 Đợt 3: 18-20 Đợt 4: 26-28	Đợt 1: 1-3 Đợt 2: 8-10 Đợt 3: 16-18 Đợt 4: 24-26	Đợt 1: 1-3 Đợt 2: 8-10 Đợt 3: 17-19 Đợt 4: 23-26		
	Cây CN dài ngày	174,40															
5	CTTL: Hồ Đắc Côn xã Đạo nghĩa																
	Khu tưới: thôn Quảng Đạt																
	Cây CN dài ngày	268,50									Đợt 1: 3-5 Đợt 2: 11-13 Đợt 3: 19-21 Đợt 4: 27-29	Đợt 1: 2-4 Đợt 2: 10-12 Đợt 3: 18-20 Đợt 4: 26-28	Đợt 1: 2-4 Đợt 2: 10-12 Đợt 3: 18-20 Đợt 4: 26-28	Đợt 1: 1-3 Đợt 2: 8-10 Đợt 3: 16-18 Đợt 4: 24-26	Đợt 1: 1-3 Đợt 2: 8-10 Đợt 3: 17-19 Đợt 4: 23-26		

Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy (dự kiến), (từ ngày... , đến ngày...)			Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày (dự kiến)	Thời gian thu hoạch (dự kiến)	Nhận định nguồn nước đảm bảo		Vận hành điều tiết cấp nước (mở nước)					Phương án chống hạn	Ghi chú					
			Gieo sạ	Gieo mạ	cây			% DT	đến ngày	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5							
CTTL: Đăk Krung xã Đăk Wer																					
Khu tưới: thôn 16	59,99									Luân phiên 2 ngày mở nước, 2 ngày đóng nước	Luân phiên 2 ngày mở nước, 2 ngày đóng nước	Luân phiên 2 ngày mở nước, 2 ngày đóng nước	Luân phiên 2 ngày mở nước, 3 ngày đóng nước	Luân phiên 2 ngày mở nước, 4 ngày đóng nước							
Cây CN dài ngày																					
Khu tưới: thôn Đăk M'rang	111,40																				
Cây CN dài ngày	0,05																				
Thủy sản																					
c Khu tưới: Bon Bu Ndoh																					
Lúa	5,00	110-120	15/12-30/1				1/4-30/5			Đợt 1: 3-5 Đợt 2: 11-13 Đợt 3: 19-21 Đợt 4: 27-29	Đợt 1: 7-4 Đợt 2: 10-12 Đợt 3: 18-20 Đợt 4: 26-28	Đợt 1: 2-4 Đợt 2: 10-12 Đợt 3: 18-20 Đợt 4: 26-28	Đợt 1: 1-3 Đợt 2: 8-10 Đợt 3: 16-18 Đợt 4: 24-26	Đợt 1: 1-3 Đợt 2: 8-10 Đợt 3: 17-19 Đợt 4: 23-26							
7 CTTL: Hồ Pi Nao Xã Nhân Đạo																					
a Khu tưới: thôn 1	46,00									Đợt 1: 3-5 Đợt 2: 11-13 Đợt 3: 19-21 Đợt 4: 27-29	Đợt 1: 2-4 Đợt 2: 10-12 Đợt 3: 18-20 Đợt 4: 26-28	Đợt 1: 2-4 Đợt 2: 10-12 Đợt 3: 18-20 Đợt 4: 26-28	Đợt 1: 1-3 Đợt 2: 8-10 Đợt 3: 16-18 Đợt 4: 24-26	Đợt 1: 1-3 Đợt 2: 8-10 Đợt 3: 17-19 Đợt 4: 23-26							
Cây CN dài ngày																					
b Khu tưới: thôn 3	52,00																				
Cây CN dài ngày																					
8 CTTL: Hồ Đăk Nêr xã Nhân Đạo																					
a Khu tưới: thôn 1	60,80									Đợt 1: 3-5 Đợt 2: 11-13 Đợt 3: 19-21 Đợt 4: 27-29	Đợt 1: 2-4 Đợt 2: 10-12 Đợt 3: 18-20 Đợt 4: 26-28	Đợt 1: 2-4 Đợt 2: 10-12 Đợt 3: 18-20 Đợt 4: 26-28	Đợt 1: 1-3 Đợt 2: 8-10 Đợt 3: 16-18 Đợt 4: 24-26	Đợt 1: 1-3 Đợt 2: 8-10 Đợt 3: 17-19 Đợt 4: 23-26							
Cây CN dài ngày																					
b Khu tưới: thôn 3	80,50																				
Cây CN dài ngày																					
c Khu tưới: thôn 4	107,00									Đợt 1: 3-5 Đợt 2: 11-13 Đợt 3: 19-21 Đợt 4: 27-29	Đợt 1: 2-4 Đợt 2: 10-12 Đợt 3: 18-20 Đợt 4: 26-28	Đợt 1: 2-4 Đợt 2: 10-12 Đợt 3: 18-20 Đợt 4: 26-28	Đợt 1: 1-3 Đợt 2: 8-10 Đợt 3: 16-18 Đợt 4: 24-26	Đợt 1: 1-3 Đợt 2: 8-10 Đợt 3: 17-19 Đợt 4: 23-26							
Cây CN dài ngày																					
9 CTTL: Hồ Đăk R'Mur Xã Nhân Đạo																					
a Khu tưới: thôn 3	144,50														Đợt 1: 3-5 Đợt 2: 11-13 Đợt 3: 19-21 Đợt 4: 27-29	Đợt 1: 2-4 Đợt 2: 10-12 Đợt 3: 18-20 Đợt 4: 26-28	Đợt 1: 2-4 Đợt 2: 10-12 Đợt 3: 18-20 Đợt 4: 26-28	Đợt 1: 1-3 Đợt 2: 8-10 Đợt 3: 16-18 Đợt 4: 24-26	Đợt 1: 1-3 Đợt 2: 8-10 Đợt 3: 17-19 Đợt 4: 23-26		
Cây CN dài ngày																					
b Khu tưới: thôn 6	88,50																				
Cây CN dài ngày																					
c Khu tưới: thôn 7	135,50									Đợt 1: 3-5 Đợt 2: 11-13 Đợt 3: 19-21 Đợt 4: 27-29	Đợt 1: 2-4 Đợt 2: 10-12 Đợt 3: 18-20 Đợt 4: 26-28	Đợt 1: 2-4 Đợt 2: 10-12 Đợt 3: 18-20 Đợt 4: 26-28	Đợt 1: 1-3 Đợt 2: 8-10 Đợt 3: 16-18 Đợt 4: 24-26	Đợt 1: 1-3 Đợt 2: 8-10 Đợt 3: 17-19 Đợt 4: 23-26							
Cây CN dài ngày																					
10 CTTL: Hồ Đăk R'Sung xã Nhân Đạo																					
Khu tưới: thôn 6															Đợt 1: 3-5 Đợt 2: 11-13 Đợt 3: 19-21 Đợt 4: 27-29	Đợt 1: 2-4 Đợt 2: 10-12 Đợt 3: 18-20 Đợt 4: 26-28	Đợt 1: 2-4 Đợt 2: 10-12 Đợt 3: 18-20 Đợt 4: 26-28	Đợt 1: 1-3 Đợt 2: 8-10 Đợt 3: 16-18 Đợt 4: 24-26	Đợt 1: 1-3 Đợt 2: 8-10 Đợt 3: 17-19 Đợt 4: 23-26		

T	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy (dự kiến), (từ ngày... , đến ngày...)			Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày (dự kiến)	Thời gian thu hoạch (dự kiến)	Nhận định nguồn nước đảm bảo		Vận hành điều tiết cấp nước (mở nước)					Phương án chống hạn	Ghi chú
				Gieo sạ	Gieo mạ	cấy			% DT	đến ngày	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5		
1	CTTL: Thủy Lợi Bàu Muối xã Nhân Đạo										Luân phiên 2 ngày mở nước, 2 ngày đóng nước	Luân phiên 2 ngày mở nước, 2 ngày đóng nước	Luân phiên 2 ngày mở nước, 2 ngày đóng nước	Luân phiên 2 ngày mở nước, 3 ngày đóng nước	Luân phiên 2 ngày mở nước, 4 ngày đóng nước		
	Khu tưới: Bon Pi Nao							1/4-30/5									
	Lúa	12,24	110-120	1/12-30/12													
	Cây CN dài ngày	8,00															
12	CTTL: Hồ Thôn 11 Xã Nhân Cơ																
	Khu tưới: thôn 12																
	Cây CN dài ngày	51,10															
13	CTTL: Hồ Thôn 12 Xã Nhân Cơ																
	Khu tưới: thôn 12																
	Cây CN dài ngày	64,14															
14	CTTL: Hồ Nhân Cơ xã Nhân Cơ																
a	Khu tưới: thôn 11	22,20															
	Cây CN dài ngày																
b	Khu tưới: thôn 7																
	Cây CN dài ngày	32,88															
c	Khu tưới: thôn 3																
	Cây CN dài ngày	3,81															
15	CTTL: Hồ Thôn 2 Xã Quảng Tín																
	Khu tưới: thôn 2										Đợt 1: 3-5 Đợt 2: 11-13 Đợt 3: 19-21 Đợt 4: 27-29	Đợt 1: 2-4 Đợt 2: 10-12 Đợt 3: 18-20 Đợt 4: 26-28	Đợt 1: 2-4 Đợt 2: 10-12 Đợt 3: 18-20 Đợt 4: 26-28	Đợt 1: 1-3 Đợt 2: 8-10 Đợt 3: 16-18 Đợt 4: 24-26	Đợt 1: 1-3 Đợt 2: 8-10 Đợt 3: 17-19 Đợt 4: 23-26		
	Cây CN dài ngày	83,70															
16	CTTL: Hồ Thôn 9 Xã Quảng Tín																
a	Khu tưới: thôn 6																
	Cây CN dài ngày	66,90															
b	Khu tưới: thôn 6																
	Cây CN dài ngày	31,60															
17	CTTL: Hồ Sa Đa Cô xã Quảng Tín																
a	Khu tưới: thôn 9																
	Cây CN dài ngày	48,50															
b	Khu tưới: thôn Sa Đa Cô																
	Cây CN dài ngày	19,20															
18	CTTL: Thủy Lợi Đắk Xá Xã Đắk Ru																
	Khu tưới: Thôn 8										Đợt 1: 3-5 Đợt 2: 11-13 Đợt 3: 19-21 Đợt 4: 27-29	Đợt 1: 2-4 Đợt 2: 10-12 Đợt 3: 18-20 Đợt 4: 26-28	Đợt 1: 2-4 Đợt 2: 10-12 Đợt 3: 18-20 Đợt 4: 26-28	Đợt 1: 1-3 Đợt 2: 8-10 Đợt 3: 16-18 Đợt 4: 24-26	Đợt 1: 1-3 Đợt 2: 8-10 Đợt 3: 17-19 Đợt 4: 23-26		

[illegible]

[illegible]

[illegible]

